

QUY CHẾ
KỶ THI BỔ TRỢ TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 281 /QĐ-CĐSP, ngày 21 tháng 4 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về kỳ thi bổ trợ (thi năng khiếu ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng) bao gồm: Quy định chung; công tác chuẩn bị tổ chức thi; đối tượng, điều kiện dự thi, đăng ký dự thi, trách nhiệm của thí sinh; công tác đề thi; nội dung, hình thức dự thi, chấm thi; quản lý điểm thi; xử lý các sự cố bất thường và xử lý vi phạm trong kỳ thi.

2. Quy chế này áp dụng đối với kỳ thi bổ trợ được tổ chức bổ sung cho phương thức tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng tại Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình;

Quy chế được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường, đồng thời gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo để báo cáo.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

1. Sử dụng kết quả thi Năng khiếu để làm một căn cứ, một tiêu chí phục vụ xét tuyển trong phương thức tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

2. Kỳ thi bổ trợ (gọi tắt là kỳ thi) phải bảo đảm yêu cầu nghiêm túc, trung thực, khách quan, công bằng.

Điều 3. Nội dung thi, hình thức và yêu cầu dự thi:

Thi Năng khiếu ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng bao gồm 02 nội dung: Hát và Đọc diễn cảm.

1. Nội dung, hình thức dự thi

a) Nội dung Hát: Hát một ca khúc tự chọn bằng lời Việt;

b) Nội dung Đọc diễn cảm: Đọc diễn cảm một văn bản (một đoạn văn/thơ, câu chuyện ngắn) theo yêu cầu của từng đề thi.

c) Hình thức thi: Thi thực hành.

2. Yêu cầu đối với thí sinh khi thực hiện phần thi năng khiếu

a) Yêu cầu đối với việc lựa chọn ca khúc để dự thi phần thi Hát:

- Nội dung trong sáng, lành mạnh; đảm bảo tôn trọng đạo đức văn hóa, thuần phong mỹ tục;

- Không vi phạm các quy định về cấm phổ biến, lưu hành tác phẩm âm nhạc, nghệ thuật theo Quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Khuyến khích thí sinh lựa chọn và sử dụng các ca khúc dự thi phù hợp với nghề nghiệp Giáo dục Mầm non, đồng thời thể hiện được năng lực, năng khiếu của thí sinh.

b) Yêu cầu đối với việc thực hiện các nội dung phần thi năng khiếu:

- Thực hiện đúng, đủ quy trình theo hướng dẫn của thư ký phòng thi và cán bộ chấm thi; trình tự thi và yêu cầu của đề thi;

- Tuyệt đối không sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ xúc phạm, phản cảm;

- Trang phục khi dự thi phải đảm bảo tính thẩm mỹ, lịch sự, gọn gàng; thí sinh cần chủ động lựa chọn trang phục phù hợp với ca khúc dự thi phần thi Hát.

Điều 4. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với những người tham gia tổ chức kỳ thi

1. Cán bộ, viên chức và nhân viên tham gia kỳ thi phải đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức chấp hành pháp luật và tinh thần trách nhiệm cao;

b) Năm vững nghiệp vụ làm công tác thi;

c) Không đang trong thời gian bị kỷ luật về Quy chế thi.

2. Những người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh ruột, chị ruột, em ruột; cha, mẹ, anh ruột, chị ruột, em ruột của vợ hoặc chồng; người giám hộ; người được giám hộ (gọi chung là người thân) dự thi trong năm tổ chức kỳ thi không được tham gia tổ chức kỳ thi.

3. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, những người tham gia ra giới thiệu, tổ hợp đề thi, thẩm định đề thi và chấm thi phải là người có năng lực chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ THI, TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ DỰ THI, TRÁCH NHIỆM CỦA THÍ SINH

Điều 5. Đối tượng, điều kiện dự thi, phạm vi tuyển sinh

1. Đối tượng dự thi:

a) Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

b) Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên và có bằng tốt nghiệp THPT.

2. Điều kiện dự thi:

a) Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT: đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên do Bộ GDĐT công bố hàng năm;

b) Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển học bạ lớp 12 theo tổ hợp môn; xét tuyển học bạ lớp 12 theo điểm trung bình chung cả năm: đạt ngưỡng đầu vào khi học lực lớp 12 xếp loại khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên;

c) Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển đã tốt nghiệp trung cấp sư phạm: đạt ngưỡng đầu vào khi có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm đạt loại khá trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm đạt loại trung bình và có ít nhất 01 năm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

d) Có đủ sức khỏe để học tập;

đ) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ đăng ký dự thi theo quy định.

Điều 6. Đăng ký dự thi

Thí sinh đăng ký dự thi kỳ thi bổ trợ, nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển vào ngành Giáo dục Mầm non theo Thông báo của nhà trường.

Điều 7. Trách nhiệm của thí sinh

1. Đăng ký dự thi theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

2. Có mặt tại điểm thi đúng thời gian quy định ghi trong Giấy báo dự thi để làm thủ tục dự thi:

a) Xuất trình giấy Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân (gọi chung là CCCD) và nhận Thẻ dự thi;

b) Nếu có những sai sót về họ, tên đệm, tên, ngày, tháng, năm sinh, đối tượng ưu tiên, khu vực ưu tiên, phải báo ngay cho Ban Thư ký Hội đồng thi hoặc người làm nhiệm vụ tại HĐTS để xử lý kịp thời;

c) Trường hợp bị mất thẻ CCCD hoặc các giấy tờ cần thiết khác, phải báo cáo ngay cho Trưởng ban chấm thi để xem xét, xử lý;

d) Tại buổi thi, có mặt tại phòng thi đúng thời gian quy định, chấp hành hiệu lệnh của Ban Thư ký và hướng dẫn của cán bộ Chấm thi.

3. Phải tuân thủ các quy định sau đây trong phòng thi:

a) Trình mã dự thi và thực hiện các yêu cầu theo hướng dẫn của cán bộ Chấm thi và thư ký phòng thi;

b) Không được trao đổi, có những cử chỉ, hành động gian lận, làm mất trật tự phòng thi; nếu muốn có ý kiến phải giơ tay để báo cáo cán bộ chấm thi, sau khi được phép, thí sinh đứng trình bày công khai với cán bộ chấm thi ý kiến của mình;

c) Không được mang vào phòng thi các loại máy ghi âm, ghi hình, điện thoại; đồ uống có cồn; vũ khí và chất gây nổ, gây cháy; tài liệu, thiết bị truyền tin hoặc chứa thông tin có thể lợi dụng để gian lận trong quá trình thực hiện phần thi và quá trình chấm thi;

d) Trong trường hợp cần thiết thí sinh chỉ được ra khỏi phòng thi khi được phép của cán bộ chấm thi và phải chịu sự giám sát của cán bộ giám sát, tổ Thanh tra thi; Thí sinh chỉ được ra khỏi khu vực thi sau khi buổi thi kết thúc.

Điều 8. Lập danh sách thí sinh dự thi

1. Việc lập danh sách thí sinh dự thi được thực hiện như sau: Lập danh sách tất cả thí sinh đăng ký dự thi theo thứ tự a, b, c,... của tên thí sinh để gắn số báo danh; lập danh sách thí sinh theo thứ tự a, b, c,... của tên thí sinh để xếp phòng thi.

2. Mỗi thí sinh có một số báo danh duy nhất; số báo danh của thí sinh gồm mã của HĐTS có 02 (hai) chữ số và 03 (ba) chữ số tiếp theo được đánh tăng dần, liên tục từ 001 đến hết số thí sinh, bảo đảm không có thí sinh trùng số báo danh.

Chương III CÔNG TÁC ĐỀ THI

Điều 9. Yêu cầu đối với đề thi năng khiếu

1. Đề thi năng khiếu được cấu trúc gồm 02 nội dung, cụ thể như sau:

a) Nội dung thi Hát: Đề thi được xây dựng thành một đề thi chung theo nguyên tắc thí sinh tự chọn và trình bày một bài hát bằng lời Việt. Không xây dựng đề thi theo yêu cầu thí sinh hát một bài hát cụ thể; được công bố công khai cùng với đề thi giới thiệu phần thi Đọc diễn cảm;

b) Nội dung thi Đọc diễn cảm: Đề thi được xây dựng trên nguyên tắc tích hợp từ các Đề thi giới thiệu một cách ngẫu nhiên để xây dựng thành đề thi hoàn chỉnh. Trong mỗi buổi thi, đề thi phải đảm bảo số lượng tối thiểu là 30 đề thi, giữa các đề thi phải bảo đảm tính tương đương về kiến thức và kỹ năng; đảm bảo về cấu trúc, hình thức và đáp ứng mức độ phù hợp của thí sinh đối với ngành đào tạo. Ngôn ngữ đề thi phải rõ ràng, tường minh, đảm bảo cấu trúc ngữ pháp tiếng Việt.

2. Đề thi phải ghi rõ số điểm của mỗi câu hỏi; điểm của từng nội dung thi (Hát và Đọc diễn cảm) được quy về thang điểm 5.0 (năm chẵn); phải ghi rõ có mấy trang (đối với đề thi có từ 02 trang trở lên); ghi rõ chữ "HẾT" tại điểm kết thúc đề thi.

3. Đề thi được niêm phong theo nguyên tắc bảo mật và được Trưởng ban đề thi bàn giao trực tiếp cho Trưởng ban chấm thi hoặc Chủ tịch HĐTS quản lý và sử dụng trong các buổi thi năng khiếu.

Điều 10. Đề thi giới thiệu

1. Đề thi giới thiệu được xây dựng riêng cho Phần thi Đọc diễn cảm trong cấu trúc đề thi môn Năng khiếu và được công bố trên trang thông tin điện tử (Website) của Trường ít nhất 30 ngày trước ngày thi.

2. Đề thi giới thiệu được xây dựng từ các trích đoạn văn học, các đoạn thơ, các câu chuyện ngắn... với số lượng tối thiểu 150 đề thi và phải đảm bảo các yêu cầu đối với đề thi tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Quy chế này.

3. Đề thi giới thiệu phải được Chủ tịch HĐTS phê duyệt trước khi công khai cho thí sinh theo Kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường.

Điều 11. Khu vực tổ hợp đề thi, in sao đề thi và các yêu cầu bảo mật

1. Khu vực tổ hợp đề thi, in sao đề thi (gọi chung là làm đề thi) phải được thực hiện tại một địa điểm an toàn, biệt lập; được lực lượng công an giám sát về an ninh, an toàn, bảo vệ nghiêm ngặt suốt thời gian làm đề thi cho đến hết thời gian thi của đợt thi, có đầy đủ phương tiện bảo mật, phòng ngừa lộ lọt thông tin, phòng cháy, chữa cháy.

2. Khu vực làm đề thi phải được bố trí thành hai khu vực làm việc riêng biệt. Một khu vực làm việc riêng biệt dành cho Ban tổ hợp đề thi và một khu vực làm việc riêng biệt dành cho Ban thẩm định đề thi.

3. Các thành viên tham gia làm đề thi đều phải cách ly triệt để với bên ngoài. Trong trường hợp cần thiết và được sự đồng ý của Trưởng Ban tổ hợp đề thi hoặc Trưởng Ban thẩm định đề thi thì các thành viên mới được phép liên hệ với bên ngoài bằng điện thoại, có loa ngoài, có ghi âm dưới sự giám sát của thanh tra, công an. Người làm việc trong khu vực cách ly phải đeo phù hiệu và chỉ hoạt động trong phạm vi cho phép, chỉ được ra khỏi khu vực cách ly sau khi kết thúc buổi thi cuối cùng của đợt thi.

3. Phong bì (túi) chứa đề thi để bàn giao phải được làm bằng giấy đủ độ bền, kín, tối màu và được dán chặt, không bong mép, có đủ nhãn, dấu niêm phong; nội dung in trên túi phải theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Toàn bộ quá trình bàn giao đề thi phải được công an giám sát; các túi chứa đề thi phải được đựng trong các thùng có khoá và được niêm phong; phải lập biên bản về quá trình giao nhận, vận chuyển.

5. Máy móc và thiết bị tại nơi làm đề thi, dù bị hư hỏng hay không dùng đến, chỉ được đưa ra ngoài khu vực cách ly khi kết thúc buổi thi cuối cùng của đợt thi.

Điều 12. Ban xây dựng đề thi giới thiệu

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Ban xây dựng đề thi giới thiệu theo Kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường.

2. Thành phần Ban xây dựng đề thi giới thiệu gồm:

a) Trưởng Ban: Là lãnh đạo Trường hoặc Trưởng các đơn vị trực thuộc trường;

b) Các ủy viên, thư ký, người làm nhiệm vụ về tin học - kỹ thuật;

c) Các thành viên Ban xây dựng đề thi giới thiệu và người được giao nhiệm vụ xây dựng đề thi giới thiệu phải đang là viên chức cơ hữu của Trường; có năng lực chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo và các yêu cầu khác tại Điều 4 của Quy chế này.

3. Nguyên tắc, thời gian, quy trình, địa điểm làm việc của Ban xây dựng đề thi giới thiệu được Trưởng ban quy định cụ thể bằng văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐTS phê duyệt trước khi thực hiện nhiệm vụ.

Điều 13. Ban tổ hợp đề thi

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Ban tổ hợp đề thi năng khiếu kỳ thi tuyển sinh.

2. Thành phần Ban tổ hợp đề thi:

a) Trưởng ban: Là lãnh đạo Trường hoặc Trưởng các đơn vị trực thuộc trường;

b) Phó Trưởng ban là Phó các đơn vị trực thuộc trường (*nếu có*);

c) Ủy viên, thư ký, người làm nhiệm vụ về tin học - kỹ thuật là viên chức của trường;

3. Nguyên tắc làm việc của Ban tổ hợp đề thi.

a) Các thành viên của Ban tổ hợp đề thi làm việc độc lập và trực tiếp dưới sự điều hành của Trưởng ban; người được giao nhiệm vụ nào, có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ đó, không tham gia các nhiệm vụ khác;

b) Ban tổ hợp đề thi phải chịu trách nhiệm về nội dung của đề thi và bảo đảm bí mật, an toàn đề thi theo quy định hiện hành của Pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban tổ hợp đề thi:

a) Tổ chức lựa chọn, tổ hợp đề thi, biên soạn, xây dựng hướng dẫn chấm, đáp án, thang điểm, các yêu cầu khác của đề thi (*nếu có*) và được thể hiện trên biên bản làm việc;

b) In sao đề thi đúng quy định, đủ số lượng theo yêu cầu của Chủ tịch HĐTS; đóng gói, niêm phong, bảo quản và bàn giao đề thi cho Chủ tịch HĐTS.

5. Trưởng Ban tổ hợp đề thi điều hành toàn bộ hoạt động theo nhiệm vụ và quyền hạn của Ban tổ hợp đề thi; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐTS về kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban tổ hợp đề thi theo quy định của Quy chế này.

6. Các thành viên của Ban tổ hợp đề thi chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công hoặc ủy nhiệm Trưởng Ban tổ hợp đề thi.

14. Ban thẩm định đề thi

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Ban thẩm định đề thi năng khiếu kỳ thi tuyển sinh.

2. Thành phần Ban thẩm định đề thi.

a) Trưởng Ban: Là lãnh đạo Trường hoặc các Trưởng các đơn vị trực thuộc trường;

b) Ủy viên, thư ký, người làm nhiệm vụ về tin học - kỹ thuật là viên chức của trường.

3. Nguyên tắc làm việc của Ban thẩm định đề thi:

a) Các thành viên của Ban thẩm định đề thi làm việc độc lập và trực tiếp dưới sự điều hành của Trưởng ban; người được giao nhiệm vụ nào, có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ đó, không được tham gia các nhiệm vụ khác;

b) Mỗi thành viên của Ban thẩm định đề thi phải chịu trách nhiệm cá nhân về nội dung của đề thi và bảo đảm bí mật, an toàn đề thi theo đúng chức trách của mình và theo quy định hiện hành của Pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thẩm định đề thi:

a) Tổ chức phản biện đề thi; xem xét, đối chiếu hướng dẫn chấm, đáp án, thang điểm nhằm đảm bảo tính chính xác của đề thi, phát hiện những sai sót (nếu có) và được thể hiện trên biên bản làm việc.

b) Đảm bảo việc phản biện đề thi đúng quy định, đảm bảo số lượng theo yêu cầu của Chủ tịch HĐTS;

c) Trưởng ban thẩm định đề thi điều hành toàn bộ hoạt động thẩm định đề thi theo nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thẩm định đề thi; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐTS về kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban thẩm định đề thi theo quy định của Quy chế này.

d) Các thành viên của Ban thẩm định đề thi chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công hoặc ủy nhiệm của Trưởng ban thẩm định đề thi.

Chương IV **CHẤM THI**

Điều 15. Thành phần Ban Chấm thi:

1. Trưởng ban Chấm thi do lãnh đạo Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm.
2. Cán bộ Chấm thi (CBChT) là viên chức, giảng viên, giáo viên có cùng chuyên môn với môn thi đã và đang trực tiếp giảng dạy môn học đúng với môn thi được chấm.
3. Công an, bảo vệ, y tế, phục vụ.
4. Trưởng ban Chấm thi điều hành công tác chấm thi và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐTS về toàn bộ quy trình chấm thi; có quyền thay đổi hoặc đình chỉ việc chấm thi đối với những thành viên thiếu trách nhiệm, vi phạm Quy chế thi hoặc có sai sót khi thực hiện nhiệm vụ được giao; có trách nhiệm kiểm tra, xác minh khi có bất thường xảy ra. Nếu vượt quá thẩm quyền báo cáo Chủ tịch HĐTS giải quyết.
5. Các Ủy viên Thư ký chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công của Trưởng ban Chấm thi.
6. Các thành viên Ban Chấm thi chấp hành sự phân công của Trưởng ban, thực hiện đúng các quy định của Quy chế thi; CBChT tuân thủ sự điều hành trực tiếp của Trưởng ban Chấm thi.

Điều 16. Làm thủ tục dự thi cho thí sinh

1. Căn cứ dữ liệu thí sinh đăng ký dự thi, Ban Thư ký HĐTS hoàn thành danh sách thí sinh của từng phòng thi; xác định địa điểm làm thủ tục dự thi cho thí sinh.
2. Trong ngày làm thủ tục dự thi, Trưởng Ban Chấm thi phân công các thành viên hướng dẫn thí sinh làm thủ tục dự thi, phổ biến Quy chế thi; *hướng dẫn thí sinh cách thực hiện thi năng khiếu bằng hình thức trực tuyến (nếu có)*; xác nhận những sai sót về họ, tên, đối tượng, hộ khẩu thường trú, khu vực của thí sinh và chuyển những thông tin này cho Ban Thư ký HĐTS xem xét, cập nhật vào hồ sơ thi tuyển sinh.

Điều 17. Quy định chấm thi môn Năng khiếu (thi thực hành)

1. Nhiệm vụ của CBChT:

a) Mỗi phòng thi có 02 CBChT cho từng nội dung thi; CBChT thực hiện chấm điểm cho phần thi của từng thí sinh theo phiếu chấm thi;

b) Ngay sau khi thí sinh thực hiện xong phần thi, CBChT ghi điểm thành phần và điểm toàn bài vào phiếu chấm; kí, ghi rõ họ tên và bàn giao phiếu chấm thi cá nhân cho thư kí phòng thi;

c) CBChT chịu trách nhiệm cá nhân về độ chính xác của điểm bài thi trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh;

d) Kết thúc môn thi, trên cơ sở các phiếu chấm cá nhân, CBChT thống nhất điểm; điền điểm cá nhân, điểm thống nhất vào bảng thống nhất điểm thi; kí và ghi rõ họ tên vào bảng thống nhất điểm. Điểm của thí sinh là điểm chấm của hai CBChT sau khi thống nhất.

2. Nhiệm vụ của Ủy viên Thư ký HĐTS trực tiếp làm Thư ký phòng thi:

a) Đối với hình thức thi trực tiếp:

- Tại phòng Hội đồng thi, thư ký có trách nhiệm:

+ Điểm danh thí sinh theo danh sách phòng thi; kiểm tra CMTND/CCCD;

+ Cấp mã dự thi năng khiếu cho thí sinh đảm bảo mỗi thí sinh chỉ được gán một mã số dự thi duy nhất và điều động ngẫu nhiên thí sinh vào các phòng thi năng khiếu.

- Tại phòng thi, thư ký có trách nhiệm hướng dẫn thí sinh:

+ Bắt thăm đề thi; ghi mã dự thi của thí sinh, số đề thí sinh dự thi vào hồ sơ thi;

+ Về vị trí và chuẩn bị nội dung thi;

+ Gọi thí sinh lên thực hiện bài thi; kí tên vào danh sách dự thi.

- Thu phiếu chấm cá nhân của CBChT và yêu cầu CBChT xử lý kết quả theo quy định (nếu có).

b) Đối với hình thức thi trực tuyến:

- Tại phòng Hội đồng thi, thư ký có trách nhiệm:

+ Mở phòng Hội đồng thi trên phần mềm để thí sinh thực hiện việc đăng nhập và hỗ trợ thí sinh đăng nhập (nếu có);

+ Bật chức năng lưu Video để lưu giữ theo quy định;

+ Điểm danh thí sinh theo danh sách phòng thi; kiểm tra CMTND/CCCD;

+ Cấp mã dự thi năng khiếu cho thư ký phòng chuẩn bị thi đảm bảo mỗi thí sinh chỉ được gán một mã số dự thi duy nhất; điều động ngẫu nhiên thí sinh vào các phòng chuẩn bị thi năng khiếu theo quy định.

- Tại phòng thi, thư ký có trách nhiệm hướng dẫn thí sinh:

+ Mở phòng thi năng khiếu trên phần mềm theo hướng dẫn và lưu Video để thực hiện lưu giữ bài thi theo quy định;

+ Hướng dẫn thí sinh bắt thăm đề thi; ghi mã số dự thi, số đề thi thí sinh đã bắt thăm vào hồ sơ thi; hướng dẫn thí sinh chuẩn bị thi. Đối với phần thi Đọc diễn cảm: Trình chiếu đề thi trên màn hình để thí sinh thực hiện phần thi của mình;

+ Thu phiếu chấm cá nhân của CBChT và yêu cầu CBChT xử lý kết quả theo quy định (nếu có).

c) Xử lý kết quả chấm thi: Trên cơ sở các phiếu chấm cá nhân của CBChT, Ban thư ký hướng dẫn CBChT thống nhất kết quả thi của thí sinh theo nguyên tắc sau:

- Điểm thi môn Năng khiếu chấm theo thang điểm 10, cho điểm lẻ đến 0,25;

- Trường hợp điểm bài thi trên phiếu chấm của CBChT lệch nhau (trừ trường hợp cộng nhầm điểm) dưới 1,0 điểm: 02 CBChT thảo luận để thống nhất điểm rồi ghi điểm sau khi đã thống nhất, ký và ghi rõ họ tên trên bảng điểm;

- Trường hợp điểm bài thi trên phiếu chấm của CBChT lệch nhau (trừ trường hợp cộng nhầm điểm) từ 1,0 điểm đến dưới 2,0 điểm: 02 CBChT thảo luận và báo cáo Trưởng ban chấm thi để thống nhất (không sửa chữa điểm trong phiếu chấm); sau đó, ghi điểm đã thống nhất, ký và ghi rõ họ tên trên bảng điểm. Nếu 02 CBChT khi đối thoại không thống nhất được điểm thì Trưởng ban Chấm thi quyết định điểm, ghi điểm và ký vào bảng điểm.

Điều 18. Quản lý điểm thi

1. Sau khi chấm thi, Chủ tịch HĐTS duyệt kết quả thi, báo cáo kết quả thi về Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

2. Tất cả các tài liệu liên quan đến điểm thi do Chủ tịch HĐTS tổ chức thực hiện lưu trữ, bảo quản theo quy định.

Chương V

XỬ LÝ CÁC SỰ CỐ BẤT THƯỜNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 19. Xử lý các trường hợp bất thường về đề thi

1. Trường hợp đề thi có những sai sót được phát hiện trong quá trình in sao đề thi và trong khi thi, lãnh đạo Ban chấm thi phải báo cáo ngay với Chủ tịch HĐTS để có phương án xử lý.

2. Chủ tịch HĐTS chịu trách nhiệm toàn bộ về xử lý tình huống lộ đề thi.

Điều 20. Xử lý các cá nhân tham gia tổ chức thi và cá nhân liên quan vi phạm Quy chế thi

1. Người tham gia tổ chức thi có hành vi vi phạm Quy chế thi (bị phát hiện trong kỳ thi hoặc sau kỳ thi), sẽ bị đình chỉ làm công tác thi và đề nghị cơ quan quản lý công chức, viên chức áp dụng quy định của pháp luật về công chức, viên chức để xử lý kỷ luật theo các hình thức sau đây:

a) Khiển trách đối với những người vi phạm lần đầu các hành vi dưới mức quy định tại các điểm b, c, d khoản này trong khi thi hành nhiệm vụ;

b) Cảnh cáo đối với những người vi phạm một trong các lỗi sau đây: Đề cho thí sinh mang tài liệu, vật dụng trái phép vào phòng thi; chấm thi không đúng hướng dẫn chấm hoặc cộng điểm bài thi có nhiều sai sót; ra đề thi không đảm bảo yêu cầu tại năm Điều 10, Điều 11 Quy chế này;

c) Tùy theo mức độ vi phạm có thể bị hạ bậc lương, hạ ngạch, cách chức hoặc chuyển đi làm công tác khác đối với những người có hành vi vi phạm một trong các lỗi sau đây: Ra đề thi không đúng nội dung khoa học của môn thi; gian lận khi chấm thi, cho điểm không đúng quy định, vượt khung hoặc hạ điểm của thí sinh;

d) Buộc thôi việc hoặc đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có một trong các hành vi vi phạm sau đây: Đưa đề thi ra ngoài khu vực thi; làm lộ đề thi, mua, bán đề thi; cố ý chữa điểm trên biên bản chấm thi hoặc trong bảng điểm; đánh tráo điểm thi của thí sinh; gian dối trong việc sửa chữa học bạ, hồ sơ của thí sinh;

đ) Người có những vi phạm khác trong công tác tổ chức thi, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo một trong các hình thức kỷ luật quy định tại Điều này.

Điều 21. Xử lý thí sinh vi phạm Quy chế thi

Mọi vi phạm Quy chế thi đều bị lập biên bản, xử lý kỷ luật và thông báo cho thí sinh.

1. Khiển trách:

a) Đối với những thí sinh phạm lỗi một lần: gây mất trật tự, không tuân theo hướng dẫn của Thư ký, CBChT trong phòng thi;

b) Hình thức này do CBChT quyết định tại biên bản được lập.

2. Cảnh cáo:

a) Đối với các thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau đây: Đã bị khiển trách một lần nhưng trong giờ thi đó vẫn tiếp tục vi phạm Quy chế thi ở mức khiển trách;

b) Hình thức kỷ luật cảnh cáo do CBChT quyết định tại biên bản được lập, kèm tang vật (nếu có).

3. Đình chỉ thi:

a) Đối với các thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau đây: Đã bị cảnh cáo một lần nhưng trong giờ thi bài thi đó vẫn tiếp tục vi phạm Quy chế thi ở mức khiển trách hoặc cảnh cáo; mang vật dụng trái phép theo quy định tại Quy chế này vào phòng thi; đưa đề thi ra ngoài phòng thi; có hành động gây gổ, đe dọa những người có trách nhiệm trong kỳ thi hay đe dọa thí sinh khác;

b) CBChT lập biên bản, thu tang vật (nếu có) và báo cáo Trường ban chấm thi quyết định hình thức đình chỉ thi. Nếu Trường Ban chấm thi không nhất trí thì báo cáo Chủ tịch HĐTS quyết định.

4. Hủy kết quả thi và lập hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật đối với những thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau đây:

a) Giả mạo hồ sơ để hưởng chế độ ưu tiên, khuyến khích;

b) Sử dụng văn bằng, chứng chỉ; Giấy chứng nhận kết quả thi không hợp pháp;

c) Để người khác dự thi thay dưới mọi hình thức;

d) Có hành động gây rối, phá hoại kỳ thi; hành hung những người tham gia công tác tổ chức thi hoặc thí sinh khác;

5. Đối với các vi phạm có dấu hiệu hình sự thì các cơ quan quản lý giáo dục lập hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định; đối với các trường hợp vi phạm khác, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ xử lý kỷ luật theo các hình thức đã quy định tại Điều này.

Điều 22. Xác minh, giải quyết khiếu nại, tố cáo về kỳ thi sau khi HĐTS giải thể

Việc xác minh, giải quyết khiếu nại, tố cáo về kỳ thi sau khi HĐTS giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại và tố cáo./.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lệ Hương